

Số: 770/QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ học kỳ I năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ – YDHP ngày 15/6/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ – YDHP ngày 02/7/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2022-2023 của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khen thưởng kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên ngày 03/4/2023;

Theo đề nghị của Bà trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xử lý học vụ học kỳ I năm học 2022-2023 đối với 30 sinh viên hệ chính quy (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2: Các Khoa/Phòng ban/Bộ môn, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên điều chỉnh đăng ký học phần để hoàn thành chương trình học đúng tiến độ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, các Khoa/Phòng ban/Bộ môn/Trung tâm liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Gia đình sinh viên (để thông báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Dinh Thị Thanh Mai*

DANH SÁCH XỬ LÝ HỌC VỤ - HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 370 /QĐ - YDHP, ngày 24 tháng 4 năm 2023)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích	Số TC nợ	Hình thức kỷ luật	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
1	1751010995	PUNYATHONG	ORLAXONE	Nữ	11/03/1998	YDK.39B	06.06	2.21	6.25	2.27		138	26	Cảnh cáo học vụ lần 1	
2	1751010162	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	13/10/1998	YDK.39F	3.77	1	5.36	1.65		152	26	Cảnh cáo học vụ lần 1	
3	1751010992	SOUNDACHAN	SOMXAY	Nữ	23/04/1999	YDK.39A	4.76	1.21	5.59	1.88		112	52	Cảnh cáo học vụ lần 3	
4	1751010993	BOUALIKHANH	TADAM	Nữ	19/09/1997	YDK.39A	3.64	1.11	5.82	02.01		120	44	Cảnh cáo học vụ lần 3	
5	1751010998	HONEMIXAY	BOUAKHAM	Nữ	30/11/1997	YDK.39B	5.96	02.07	5.79	1.96		136	25	Cảnh cáo học vụ lần 3	
6	1751010997	XAYAVONG	BOUAVAN	Nữ	14/12/1996	YDK.39B	3.76	1.11	06.08	2.17		129	32	Cảnh cáo học vụ lần 3	
7	1751010996	SINGDAVONG	KHAMMON	Nam	22/07/1995	YDK.39B	5.51	1.68	5.54	1.81		121	43	Cảnh cáo học vụ lần 3	
8	1751010356	Thắm Kỳ	Phong	Nam	24/02/1998	YDK.39C	06.04	2.18	5.96	02.08		146	34	Cảnh cáo học vụ lần 3	
9	1751010994	PHANDAVONG	KITTA	Nữ	23/02/1998	YDK.39B	2.82	0.89	5.9	02.04		124	38	Cảnh cáo học vụ lần 3	
10	1851010992	SOUMIXAY	VALANNYEU	Nam	03/03/1994	YDK.40F	5.72	1.89	5.66	1.83	3	80	49	Cảnh cáo học vụ lần 3	
11	1955010086	Chanthadala	THIDTAVANH	Nam	29/07/2001	RHM.K11	5.25	1.6	5.7	1.94	3	71	44	Cảnh cáo học vụ lần 2	
12	1955010088	Phomachanh	VIENGKEO	Nữ	11/12/2000	RHM.K11	5.13	1.5	5.58	1.81	3	89	32	Cảnh cáo học vụ lần 2	
13	2155010080	CHITSANYA	KAINOUD	Nam	03/11/2003	RHM.K13	2.13	0.57	5.56	1.72	1	18	27	Cảnh cáo học vụ lần 2	
14	2155010081	LIRAVANH	ON ANONG	Nữ	21/01/2002	RHM.K13	1.7	0.29	5.3	1.56	1	16	28	Cảnh cáo học vụ lần 2	
15	2051150066	Đình Trung	Kiên	Nam	22/08/2002	YHCT.K6	4.73	1	5.61	1.78	2	48	25	Cảnh cáo học vụ lần 2	
16	2051150074	Bùi Trường	Son	Nam	04/12/2001	YHCT.K6	4.23	0.67	5.11	1.41	2	48	28	Cảnh cáo học vụ lần 2	
17	2051100042	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/02/2002	YHDP.K14	4.79	1	5.46	1.67	2	56	27	Cảnh cáo học vụ lần 2	
18	1952010120	Manichanh	ALIYA	Nữ	02/03/2000	D.K8.C	4.65	1	5.21	1.58	2	45	58	Cảnh cáo học vụ lần 2	
19	1952010121	Phommachan	SOUPHAVANH	Nữ	07/07/2000	D.K8.C	4.26	0.82	5.4	1.74	2	70	42	Cảnh cáo học vụ lần 2	
20	2052010026	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	28/11/2002	D.K9.B	3.28	0.91	5.6	1.75	2	44	27	Cảnh cáo học vụ lần 2	
21	2152010158	KINNAVONG	THINNAKONE	Nam	10/08/2002	DƯỠC.K10.A	2.02	0.24	4.46	1	1	7	27	Cảnh cáo học vụ lần 1	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích	Số TC nợ	Hình thức kỷ luật	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
22	2152010157	KEOHONGKHAM	YOUY	Nữ	20/02/2002	DUỢC.K10.B	2.08	0.33	5.23	1.73	1	11	33	Cảnh cáo học vụ lần 1	
23	2051010481	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/03/2001	YDK.K42 H	3.57	0.72	5.37	1.62	2	55	31	Cảnh cáo học vụ lần 2	
24	2051010079	Cầm Thị Thanh	Tú	Nữ	29/11/2000	YDK.K42 H	3.57	0.36	5.65	1.81	2	54	29	Cảnh cáo học vụ lần 2	
25	2151010502	VONGSAMPHAN	MALAIVAN	Nữ	28/08/2003	YDK.K43B	4.84	1	5.77	1.82	1	19	25	Cảnh cáo học vụ lần 2	
26	2151010500	PHOUMKHAY	CHANThALA	Nữ	15/10/2000	YDK.K43E	4.74	1	5.89	2.03	1	18	27	Cảnh cáo học vụ lần 2	
27	2151010521	NANTHANAVONE	KHAMBANG	Nữ	04/03/1995	YDK.K43F	3.07	0.12	5.14	1.67	1	12	30	Cảnh cáo học vụ lần 2	
28	2151010506	VONGPHACHANH	SOMSANITH	Nữ	15/03/2000	YDK.K43H	3.88	0.69	5.27	1.53	1	15	29	Cảnh cáo học vụ lần 2	
29	2251010474	CHANTHAVILAI	AMY	Nam	14/01/2004	YK.44D	3.38	0	0	0	1	0	16	Cảnh cáo học vụ lần 1	
30	2251010476	CHALEUNSOUK	LATHTANASIN	Nam	17/04/2003	YK.44E	2.46	0	0	0	1	0	16	Cảnh cáo học vụ lần 1	

NGƯỜI LẬP

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẠO TẠO ĐẠI HỌC



Nguyễn Thị Quỳnh Nhung



Nguyễn Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Dinh Thị Thanh Mai*